TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2024/DS-PT
Ngày: 15/8/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2024/TLPT-DS ngày 26/6/2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1156/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Q; Địa chỉ: 41 BT1 khu đô thị P, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thế S – Tổng giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A Đ, phường Đ, quận H, TP ..

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Quý T, sinh năm 1999; Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan; vắng mặt.

Người kháng cáo: Công ty cổ phần Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2022, bản tự khai, nguyên đơn Công ty cổ phần Q *trình bày*:

Anh Lê Quý T đã đăng ký đi lao động Đài Loan tại Công ty Cổ phần Q. Sau khi đã làm các thủ tục tuyển chọn và được chủ sử dụng Đài Loan là công ty N tiếp nhận. Ngày 11/02/2022 bà Trần Thị L và anh Lê Quý T đã được Công ty cổ phần Q giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của lao động và người bảo lãnh trước khi tiến hành ký kết hợp đồng. Bà Trần Thị L, anh Lê Quý T và công ty cổ phần Q (gọi tắt là công ty Q) thỏa thuận bà L là người đứng ra bảo lãnh cho anh Lê Quý T để anh đi làm việc tại Đài Loan. Trong trường hợp anh Lê Quý T đi làm việc tại nước ngoài mà bỏ trốn thì gia đình sẽ phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho công ty Q.

Vào ngày 11/02/2022, bà Trần Thị L, ông Lê Quý T và công ty Q tiến hành ký kết hợp đồng bảo lãnh và được chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân xã A chứng thực). Theo hợp đồng bảo lãnh đã ký, bà L phải bồi thường 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho bên công ty Q trong trường hợp lao động Lê Quý T bỏ trốn khỏi nơi làm việc tại Đài Loan. Bà L dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh cho Lê Quý T. Trường hợp gia đình bà L không có đủ tiền bồi thường thì công ty Q có quyền phát mại tài sản tại địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để bồi thường cho công ty, nếu phát mại tài sản không đủ thì bên gia đình bà L tiếp tục phải bồi thường cho công ty.

Anh Lê Quý T kí hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài số 07/2022 công việc là công nhân, chủ sử dụng: Công ty N, kèm theo bản cam kết không chạy trốn. Ngày 24/04/2022 Lê Quý T bay đến Đài Loan, sau khi cách ly 14 ngày theo quy định của chính phủ Đài Loan đã được đưa về công ty N làm việc. Ngày 06/06/2022 công ty N (chủ sử dụng) và công ty H2 (công ty M) thông báo Lê Quý T bỏ trốn khỏi nơi làm việc. Như vậy, việc anh Lê Quý t tự ý trốn khỏi nơi làm việc và đang cư trú bất hợp pháp tại Đài Loan là hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật Đài Loan; vi phạm các điều khoản Hợp đồng và cam kết mà anh Lê Quý T và người bảo lãnh cho anh T là bà Trần Thị L đã ký với Công ty Q; gây thiệt hại nghiêm trọng về uy tín, tài chính của công ty Q, làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của người lao động Việt Nam đang làm việc tại nước ngoài nói chung và tại Đài Loan nói riêng.

Đối chiếu các quy định pháp luật kể trên và các nội dung tại Hợp đồng bảo lãnh đã giao kết với trường hợp bỏ trốn khỏi nơi làm việc của anh Lê Quý T và

nghĩa vụ của người bảo lãnh đối với bà Trần Thị L thì có thể nhận định rằng anh Lê Quý T đã vi phạm các nghĩa vụ của bên được bảo lãnh, do đó phát sinh trách nhiệm của bên bảo lãnh là bà Trần Thị L đối với công ty Q.

Căn cứ các quy định đã ký của Hợp đồng bảo lãnh ngày 11/02/2022 đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi bỏ trốn của người lao động anh Lê Quý T trong thời gian làm việc tại Đài Loan, Công ty cổ phần Q làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét, giải quyết buộc người bảo lãnh bà Trần Thị L phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của người bảo lãnh đối với Công ty cổ phần Q, theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 11/02/2022. Cụ thể, buộc gia đình bà Trần Thị L bồi thường cho công ty Q Hoàng Gia L1 số tiền là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Về phía Bị đơn bà Trần Thị L: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần Q (sau đây gọi là Công ty Q) về việc yêu cầu bà thực hiện hợp đồng, bồi thường cho Công ty số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với toàn bộ nhà đất của gia đình bà vì các lý do sau: Con trai bà là anh Lê Quý T có nhu cầu đi làm việc tại Đài Loan. Mọi thủ tục pháp lý đều do Công ty cổ phần Q phụ trách, gia đình bà chỉ đóng phí. Sau khi T nhập cảnh vào Đài Loan, T có thông báo về nói rằng công ty bên Đài Loan không giao việc theo đúng thỏa thuận. Cụ thể là khi ở Việt Nam, Công ty Q đã tư vấn cho gia đình bà qua đó sẽ làm công việc **sản xuất ốc vít,**tuy nhiên, T lại bị bố trí thực hiện gia công tiện kéo, nội dung công việc nguy hiểm hơn và khác hoàn toàn với việc sản xuất ốc vít mà Công ty đã thỏa thuận với bà từ trước. Sau đó bà nhận được Công văn số 25/2022/CV-HGL của Công ty cổ phần Q thông báo về việc T đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc từ ngày 08/06/2022. Việc Lê Quý T bỏ trốn theo như thông báo của Công ty thì bản thân bà không có thông tin gì về sự việc trên. Hiện tại, bà không thể liên lạc được với con trai bà, không biết địa chỉ cụ thể anh T đang ở đâu. Việc anh T mất tích khỏi nơi làm việc tại Đài Loan cũng thuộc một phần lỗi của Công ty vì chưa có trách nhiệm quan tâm, quản lý người lao động theo cam kết trong Hợp đồng bảo lãnh. Khi T bị phân công công việc trái với thỏa thuận thì bà đã liên lạc với người môi giới đưa T đi là bà H (Hiện nay bà không rõ địa chỉ) cùng phía Công ty Q để yêu cầu giải thích thì đều bị né tránh, không được giải quyết. Qua thông tin báo chí, gia đình bà được biết hiện nay công ty Q đã bị thu hồi giấy phép vì lý do không đảm bảo điều kiện về ký quỹ, số lượng nhân viên nghiệp vụ, cơ sở vật chất và trang thông tin điện tử đáp ứng điều kiện quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Qua đó cho thấy Công ty Q không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài dẫn đến không thể bảo vệ cho người lao động khi xảy ra sự việc như trường hợp Lê Quý T. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên theo quy định pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Quý T*:* Do anh T bỏ trốn khỏi nơi làm việc nên phía nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của

anh Lê Quý T cho Toà án. Theo công văn số 24503/QLXNC-P5 ngày 16/11/2022 của cục Q1 Bộ C, đã xác định anh Lê Quý T xuất cảnh ngày 24/4/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước nhưng không xác định được anh T hiện đang cư trú tại nước nào nên Tòa án không thể thực hiện thủ tục Ủy thác tư pháp theo quy định. Tuy nhiên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã làm thủ tục đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án trên kênh H3 VOV5 và đã phát từ ngày 11/01/2024.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Q, buộc bà Trần Thị L phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho Công ty cổ phần Q số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 11/02/2022 đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi bỏ trốn của lao động anh Lê Quý T.

- Quyền kháng cáo: Công ty cổ phần Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Trần Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa tống đạt; anh Lê Quý T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Ngày 24/4/2024 Công ty cổ phần Q, kháng cáo với nội dung anh Lê Quý T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án là không đúng.

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần Q; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Quý T theo quy định của pháp luật nhưng không nhận được ý kiến phản hồi. Tại phiên toà xét xử lần 2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, Toà án đã tống đạt và tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, Giấy triệu tập theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét

xử vụ án với sự vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. là đúng quy định điểm b, khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

[1.3] Trong trường hợp này, thời hạn kháng cáo được áp dụng khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì anh Lê Quý T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

[1.4] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về quyền kháng cáo: anh Lê Quý T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án là có không đúng quy định Bộ luật Tó tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Q và sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì Công ty cổ phần Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Q và sửa Bản án sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình:

Quyền kháng cáo: Anh Lê Quý T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: H1 lại cho Công ty cổ phần Q 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004901 ngày 15/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình

3. Các quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình ;
- VKSND tỉnh Quảng Bình ;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường